

Bản án số: 03/2017/HC-PT
Ngày 08 tháng 03 năm 2017
V/v khiếu kiện QĐHC, HVHC về cưỡng chế
phá dỡ công trình XD và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**
Các Thẩm phán : Ông **Nguyễn Hồng Tuấn**
Bà **Lê Thúy Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Gia Linh**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Ông **Nguyễn Đình Nhật**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và 08 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2016/TLPT-HC ngày 05/12/2016 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi cưỡng chế về phá dỡ công trình xây dựng*”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HCST ngày 11/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2017/QĐPT-HC ngày 03/02/2017, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **A**; địa chỉ: thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông **B**; địa chỉ: phường Q, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

2. *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa.**

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà **C** - Phó Chủ tịch UBND N là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã N (Theo văn bản ủy quyền số 822/UBND ngày 16/8/2016);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **D** Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Đ**; địa chỉ: thôn 1, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

- Ông **E**; địa chỉ: đường N, phường M, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

- Ông **F**; địa chỉ: thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

- Ông **G**; địa chỉ: thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

- Ông **H**; địa chỉ: đường P, xã H, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

- Ông **I**; địa chỉ: Phòng Quản lý đô thị thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Ông **K**; địa chỉ: đường P, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Bà **L**; địa chỉ: thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Bà **M**; địa chỉ: thôn H, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Ông **N**; địa chỉ: thôn H, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;

4. *Người làm chứng:*

- Ông **O**; địa chỉ: thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Ông **Ô**; địa chỉ: đường M, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Ông **Ơ**; địa chỉ: thôn P, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Ông **P**; địa chỉ: thôn P, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Ông **Q**; địa chỉ: thôn K, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa;
- Ông **S**; địa chỉ: thôn K, xã N, thành phố G, tỉnh Khánh Hòa;

5. *Người kháng cáo:* Người bị kiện (Ủy ban nhân dân xã N).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 26 tháng 02 năm 2013, ông A tổ chức thi công xây dựng công trình trai nuôi ốc trên phần đất thuê của ông N và bà M tại thôn H, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa nhưng không có giấy phép xây dựng.

Ngày 28 tháng 02 năm 2013, ông G là cán bộ địa chính xã N lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông A về hành vi lấn chiếm đất công, di dời hàng rào, xây dựng hồ nuôi thủy sản với diện tích vi phạm $20m \times 13m = 260m^2$.

Ngày 01 tháng 3 năm 2013, ông E - cán bộ quản lý đô thị xã N và ông I - cán bộ phòng quản lý đô thị thành phố P lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông A.

Ngày 04 tháng 3 năm 2013, ông G và ông E lập biên bản xác minh diện tích đất xây dựng lấn chiếm là $05m \times 13m = 65m^2$ và xây dựng công trình trên diện tích đất $195m^2$ không đúng mục đích.

Ngày 05 tháng 3 năm 2017, Chủ tịch UBND xã N ban hành quyết định số 141/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị tại thôn H, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa do ông A làm chủ đầu tư xây dựng công trình.

Ngày 14 tháng 3 năm 2017, Chủ tịch UBND xã N ban hành quyết định số 150/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ đối với toàn bộ công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thôn H, xã N, thành phố P, tỉnh Khánh Hòa do ông A làm chủ đầu tư xây dựng công trình.

Ngày 14 tháng 3 năm 2017, UBND xã N giao quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 14/3/2013 cho ông A (do bà L vợ ông A nhận).

Ngày 18 tháng 3 năm 2017, UBND xã N lập biên bản về việc vận động ông A thực hiện quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 14/3/2013 nói trên, ông A xin tự giác chấp hành việc tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm trong ngày 19/3/2016.

Ngày 19 tháng 3 năm 2017, UBND xã N tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm đối với ông A.

Ngày 26 tháng 4 năm 2013, ông A có đơn khởi kiện đối với quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 14/3/2013 và hành vi cưỡng chế phá dỡ công trình xây

dựng của Chủ tịch UBND xã N và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế gây ra.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện yêu cầu hủy quyết số 150/QĐ-CT-UBND ngày 14/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, tuyên bố hành vi cưỡng chế của UBND xã N là trái pháp luật nên yêu cầu được bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng gây ra với số tiền là 84.188.500đ và trình bày: Ngày 18/3/2013 ông đã xin được tự tháo dỡ công trình xây dựng nhưng chiều ngày 19/3/2013, gia đình ông đang tự tháo dỡ thì lực lượng cưỡng chế của UBND xã N đến đập phá toàn bộ công trình gia đình ông xây dựng.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 268/UBND ngày 10/02/2014, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người bị kiện cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện và trình bày: Ông A có hành vi xây dựng hồ nuôi thủy sản không có giấy phép xây dựng và lấn chiếm đất công. Việc ban hành quyết định số 150/QĐ-CT-UBND ngày 14/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N là đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục; UBND xã đã mời ông A lên làm việc, ông A cam kết tự tháo dỡ công trình nhưng đến 15 giờ 00 ngày 19/3/2013, ông A vẫn chưa thực hiện việc tháo dỡ và không có ý kiến phản hồi nên UBND xã N đã tổ chức lực lượng cưỡng chế theo quyết định đã ban hành. Khi lực lượng cưỡng chế đến hiện trường thì ông A cùng hai người thợ đang tự tháo dỡ và nhờ đội chuyên trách giải tỏa phụ giúp tháo dỡ nên đội chuyên trách lập biên bản về việc tự nguyện tháo dỡ. Việc tổ chức cưỡng chế là không sai phạm và không gây thiệt hại gì cho ông A.

Các ông G, E, I, Đ, F trình bày: ông G là người đã lập biên bản vi phạm hành chính ngày 28/02/2013 về việc ông A lấn chiếm đất công. Ngày 01/3/2013, tổ công tác xã N (gồm ông E và ông G) tiến hành kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông A về hành vi xây dựng công trình không có giấy phép, lấn chiếm đất công. Chiều ngày 19/3/2013, UBND xã N tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình do ông A xây dựng trái phép. Khi lực lượng cưỡng chế đến hiện trường thì có hai người do ông A thuê đang thực hiện việc tháo dỡ công trình, ông A có đề nghị để ông tự thực hiện việc tháo dỡ công trình nhưng do việc tháo dỡ thực hiện chậm nên lực lượng cưỡng chế đã thực hiện việc tháo dỡ công trình do ông A xây dựng.

Bà L trình bày: Bà là vợ ông A. Vợ chồng bà có thuê đất của ông N, bà M để nuôi ốc. Việc tổ chức xây dựng công trình trên đất thuê để nuôi thủy sản do ông A (chồng bà thực hiện). Ngày 18/3/2013, UBND xã N mời ông A lên nhận quyết định cưỡng chế số 150/QĐ-CT-UBND ngày 14/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N nhưng ông A không có mặt ở nhà nên bà có lên nhận thay cho ông A. Tuy nhiên, do không đọc biên bản nên bà đã ký vào biên bản tổng đạt với nội dung ghi bà nhận quyết định ngày 14/3/2013 nhưng thực chất việc giao nhận quyết định được thực hiện vào ngày 18/3/2013. Ngày 19/3/2013, ông A có đến UBND xã N xin tự tháo dỡ công trình và chiều cùng ngày khi gia đình bà đang tiến

hành tháo dỡ công trình thì UBND xã N đưa lực lượng cưỡng chế đến đập phá, dùng xe tải kéo đổ sập công trình làm mái tôn và các cây gỗ của gia đình bà bị vỡ, gãy hư hỏng hết.

Các ông, bà N, M, Ô, O, O, P trình bày: Khoảng 15 giờ ngày 19/3/2013 các ông bà thấy có lực lượng đến phá dỡ công trình xây dựng của ông A.

Các ông Q, S trình bày: Khoảng 15 giờ ngày 19/3/2013, trong lúc các ông đang cùng ông A tháo dỡ công trình (dỡ tôn) cho ông A thì lực lượng cưỡng chế của UBND xã N đến yêu cầu các ông xuống và lực lượng này đã đập phá công trình xây dựng của ông A.

Ông K trình bày: Chiều ngày 19/3/2013, ông nhận được điện thoại của ông Kiệt (cán bộ đô thị xã N) để tham gia hỗ trợ cưỡng chế phá dỡ công trình trại nuôi hải sản của ông A. Khoảng 17 giờ cùng ngày ông có mặt tại địa điểm cưỡng chế thì việc phá dỡ xong, ông thấy các tấm tôn ở dưới đất bị gãy, thủng nằm trên các cây gỗ đã bị gãy, các bức tường bao quanh bị đập một phần, ông đã ký tên vào biên bản do ông E đưa nhưng thực tế ông không chứng kiến việc phá dỡ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố P đã tuyên xử: Giữ nguyên quyết định hành chính số 150/QĐ-CT-UBND ngày 14/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N. Tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã N về việc tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng của ông A là trái pháp luật. Buộc UBND xã N phải bồi thường cho ông A 80.108.500đ. UBND xã N phải chịu 200.000đ án phí HCST và 4.005.425đ án phí DS/ST; Ông N phải chịu 204.000đ án phí DS/ST.

Ngày 01 tháng 9 năm 2016, UBND xã N kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm về các nội dung: Tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã N về việc tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng của ông A là trái pháp luật. Buộc UBND xã N phải bồi thường 80.108.500đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên kháng cáo và cho là việc cưỡng chế của UBND xã N được thực hiện do hành vi vi phạm hành chính của ông A đã vi phạm trật tự xây dựng đô thị (tổ chức xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng và không có giấy phép xây dựng). Việc tổ chức cưỡng chế theo đúng quy định của Nghị định của Chính phủ số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 và không gây thiệt hại cho ông A.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện cho là quyết định của bản án sơ thẩm là đúng pháp luật và không đồng ý với kháng cáo của người bị kiện và trình bày: Việc ông A xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng là vi phạm pháp luật và việc tháo dỡ công trình vi phạm là đúng. Ông A đã xin được tự tháo dỡ và đang thực hiện việc tháo dỡ nhưng UBND xã N vẫn thực hiện việc cưỡng chế mà không thông báo thời gian cưỡng chế cho ông A. Việc cưỡng chế của UBND xã N làm hư hỏng toàn bộ số tôn và gỗ trong công trình của ông A

đã gây thiệt hại cho ông A vì nếu để ông A tự tháo dỡ thì số vật liệu này sẽ không bị hư hỏng, ông A có thể sử dụng lại được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà L) không đồng ý với kháng cáo của người bị kiện và đồng ý với ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện.

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác có mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có ý kiến gì đối với kháng cáo của người kháng cáo cũng như ý kiến của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho là: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn phúc thẩm; Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ, tố tụng theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 70% mức thiệt hại bản án sơ thẩm đã xác định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Phiên tòa được tiến hành xét xử vắng mặt các ông Đ, E, F, G, H, I, O, P, S theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính;

[2] Về kháng cáo của đương sự:

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, có cơ sở xác định việc vi phạm trật tự xây dựng đô thị của ông A là có thật. Chủ tịch UBND xã N đã ban hành quyết định đình chỉ thi công đối với công trình vi phạm và quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với toàn bộ công trình vi phạm nhưng ông A vẫn chưa tháo dỡ công trình nên việc tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm của UBND xã N đối với ông A là đúng trình tự, thẩm quyền.

Tuy nhiên, theo trình bày của người khởi kiện thì lực lượng cưỡng chế của UBND xã N đã tiến hành việc cưỡng chế khi ông A đã, đang thực hiện việc tháo dỡ công trình. Người đại diện hợp pháp của UBND xã N cho là đội chuyên trách giải tỏa chỉ phụ giúp việc tháo dỡ công trình đối với ông A là không có căn cứ vì lời trình bày này không phù hợp với nội dung trình bày của ông A tại biên bản tự tháo dỡ công trình là “*Tôi có xin được tự tháo dỡ nhưng thời gian ngắn chưa xong mà đội cưỡng chế đã đập phá hoàn toàn vật dụng của tôi*”.

Lời trình bày của ông A tại biên bản tự tháo dỡ phù hợp với lời khai của những người làm chứng và lời trình bày của những thành viên trong đội cưỡng chế. Vì vậy, có cơ sở xác định lực lượng cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế phá dỡ công trình trong khi ông A đang thực hiện việc tháo dỡ. Phương thức cưỡng chế của lực lượng cưỡng chế đã làm hư hỏng toàn bộ số tôn và cây gỗ mà lẽ ra gia đình ông A có thể sử dụng lại được nếu để gia đình ông tự tháo dỡ.

Hành vi cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm đối với ông A do lực lượng cưỡng chế của UBND xã N thực hiện vào thời điểm ông A đang tiến hành việc

tự tháo dỡ công trình là không đúng pháp luật và đã gây thiệt hại về tài sản cho ông A nên bản án sơ thẩm buộc UBND xã N phải bồi thường cho ông A là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2005 mà không áp dụng các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của người khởi kiện là không đúng với quy định của Luật tố tụng hành chính. Bản án sơ thẩm không xác định các thiệt hại thực tế do hành vi cưỡng chế gây ra mà buộc UBND xã N phải bồi thường toàn bộ giá trị vật liệu theo các chứng từ, hóa đơn do ông A cung cấp là không phù hợp với quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Nếu để gia đình ông A tự tháo dỡ thì gia đình ông có thể sử dụng lại các tấm tôn và cây gỗ nhưng việc cưỡng chế làm cho mái tôn và cây gỗ bị hư hỏng. Lời trình bày này phù hợp với lời khai của những người làm chứng và có cơ sở pháp lý nên có căn cứ xác định thiệt hại thực tế xảy ra do hành vi cưỡng chế của lực lượng cưỡng chế là giá trị của phần tôn và gỗ ông A đã sử dụng để xây dựng công trình. Theo tài liệu, chứng từ ông A cung cấp thì số tôn ông bị thiệt hại giá trị 25.701.600đ và phần cây gỗ bị thiệt hại có giá trị 23.400.000đ, tổng thiệt hại xảy ra với ông A là (23.400.000đ + 25.701.600đ) là 49.100.600đ (bốn mươi chín triệu một trăm nghìn sáu trăm đồng). Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm về mức bồi thường thiệt hại.

[3]. **Về án phí:**

Bản án sơ thẩm đã quyết định án phí hành chính sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật về án phí, lệ phí. Tuy nhiên, việc quyết định án phí dân sự đối với người khởi kiện của bản án sơ thẩm là trái với quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Ngoài ra, mức bồi thường thiệt hại của bản án sơ thẩm được sửa lại nên án phí dân sự sơ thẩm đối với người bị kiện cũng cần phải sửa lại cho phù hợp.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. **Quyết định khác của bản án sơ thẩm:**

Bản án sơ thẩm quyết định giữ nguyên quyết số 150/QĐ-CT-UBND ngày 14/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N là không đúng thẩm quyền của Hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Phần này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị nên theo phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 220 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử không xem xét nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241, Điều 7 Luật tố tụng hành chính,
Sửa bản án sơ thẩm:

1. Tuyên bố hành vi cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng của UBND xã N là trái pháp luật,

Áp dụng Điều 24, 25 và Điều 14 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước,

Ủy ban nhân dân xã N phải bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái pháp luật gây ra là 49.100.600đ (bốn mươi chín triệu một trăm nghìn sáu trăm đồng).

2. Áp dụng Điều 34, 37 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, Điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước,

Ủy ban nhân dân xã N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 2.455.000đ (hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn cho ông A 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AB/2010/0008421 ngày 28/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Ủy ban nhân dân xã N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn cho Ủy ban nhân dân xã N 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0005298 ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến nội dung kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. P;
- Chi cục THA DS TP. P;
- UBND tỉnh Khánh Hòa
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Nghĩa

